

Số: 825/BC-UBND

Ninh Phước, ngày 15 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO THUYẾT MINH**  
**Dự toán chi ngân sách huyện năm 2024**

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính -- ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026;

Trên cơ sở kết quả thảo luận dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 với các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị dự toán;

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo thuyết minh xây dựng dự toán thu, chi ngân sách Huyện năm 2024:

**A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU – CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023:**

**I. Kết quả thu ngân sách:**

- Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện năm 2023 là 93 tỷ đồng, đạt 103% so với dự toán giao và đạt 114% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng thu ngân sách huyện ước thực hiện năm 2023 là 617 tỷ 910 triệu đồng, đạt 134% dự toán giao; Trong đó:

+ Thu ngân sách Huyện hưởng theo phân cấp: 87 tỷ 350 triệu đồng, đạt 99% dự toán giao;

+ Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 433 tỷ 067 triệu đồng, đạt 116% dự toán giao.

+ Thu chuyển nguồn: 67 tỷ 396 triệu đồng.

+ Thu kết dư: 30 tỷ 097 triệu đồng.

(Đính kèm phụ biểu số 01.)

**II. Chi ngân sách huyện:**

Tổng số chi ngân sách huyện ước thực hiện năm 2023 là 515 tỷ 989 triệu đồng, đạt 112% dự toán giao, đạt 92% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 77 tỷ 828 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên: 438 tỷ 161 triệu đồng.

(Đính kèm phụ biểu số 02.)

**III. Đánh giá về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2023**

**1. Về thu ngân sách:**

- Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện năm 2023 là 93 tỷ đồng, đạt 103% so với dự toán giao và đạt 114% so với cùng kỳ năm trước.

- Có 6/9 khoản thu đạt trên 75% dự toán HĐND huyện giao, bao gồm: Thu từ XDCB (*vãng lai*) đạt 109%, thu thuế từ CTN NQD đạt 138%, thu phí, lệ phí đạt 113%, thu đất công ích đạt 135%, thu tiền sử dụng đất đạt 100% và thu khác ngân sách 152%.

Kết quả đạt được là do:

+ Ngay từ đầu năm UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị thu đã triển khai tốt công tác thu thuế; Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 27/01/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc triển khai Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 11/01/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về tăng cường các biện pháp quản lý thu ngân sách năm 2022 trên địa bàn tỉnh

+ Định kỳ hàng quý thực hiện giao ban, trao đổi thông tin giữa các cơ quan Thuế, Phòng TC-KH; VPĐK Đất đai, TNMT, KTHT, đánh giá tình hình thực hiện và đề ra nhiệm vụ cho thời gian tới. Cơ quan thuế chủ động tham mưu, điều hành đồng bộ các giải pháp quản lý thu, theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể theo địa bàn thu và việc thực hiện các chính sách thuế mới ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách trên địa bàn; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thu nhằm đảm bảo hoàn thành theo tiến độ dự toán được giao.

+ Phối hợp với Đài Truyền thanh huyện kịp thời tuyên truyền, phổ biến về chính sách thuế mới, công tác thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ngay từ đầu năm. Ngoài ra còn tổ chức tuyên truyền bằng xe lưu động trên các địa bàn kinh doanh trọng điểm, khu vực đông dân cư trên địa bàn toàn huyện

+ Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý thuế, cũng như hỗ trợ người nộp thuế trong việc tính thuế, khai thuế, nộp thuế, hóa đơn điện tử, hoàn thuế điện tử, nộp thuế điện tử; ủy nhiệm thu Bưu điện thu thuế hộ kinh doanh, nộp thuế điện tử từ Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, ứng dụng eTax Mobile, hệ thống thông tin hỗ trợ người nộp thuế qua eTax...; hỗ trợ đăng ký thuế lần đầu và thay đổi thông tin của cá nhân không kinh doanh trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

Bên cạnh đó, có 3/9 khoản thu đạt dưới 75% dự toán giao, bao gồm: Thuế thu nhập cá nhân đạt 77% dự toán, Thu từ cho thuê mặt đất, mặt nước đạt 72% dự toán, Thu lệ phí trước bạ đạt 84% dự toán.

Nguyên nhân:

- Tình hình kinh tế trên địa bàn được duy trì ổn định; dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát tốt. Tuy nhiên, hoạt động SXKD của một số doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh chưa khôi phục hoàn toàn đã ảnh hưởng đến công tác thu nộp ngân sách trên địa bàn, bên cạnh đó thực hiện các chính sách của Quốc hội, Chính phủ hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, như: Thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 30/01/2023 và Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ, giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hằng năm do ảnh hưởng của dịch COVID-19;

- Tình hình chuyển nhượng bất động sản, chuyển mục đích sử dụng đất, hồ sơ cấp mới quyền sử dụng đất giảm nhiều so với năm trước nên ảnh hưởng đến nguồn thu từ thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ đạt thấp;

- Tình hình nợ thuế trên địa bàn huyện hiện nay chủ yếu là các doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn về tài chính nên chưa chấp hành nộp vào ngân sách nhà nước. Chi cục Thuế đang thực hiện áp dụng triệt để các biện pháp thu nợ, xử lý nợ, thu hồi nợ thuế kịp thời nộp vào NSNN.

## **2. Về chi ngân sách:**

- Trong năm 2023 Huyện đã tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, đúng chế độ, chính sách chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng. Thực hiện đúng tinh thần theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính Phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023.

- Tổng số chi ngân sách huyện thực hiện năm 2023 là 515 tỷ 989 triệu đồng, đạt 112% dự toán giao, đạt 92% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số khoản chi vượt cao so với dự toán giao như chi quốc phòng (228%), chi sự nghiệp kinh tế (232%), chi sự nghiệp y tế (3.175%)

Nguyên nhân:

+ Tổng số chi cho nhiệm vụ quốc phòng tăng cao do trong 9 tháng đầu năm thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như: chi công tác thăm quân, giao quân, huấn luyện, diễn tập phòng thủ;

+ Chi sự nghiệp y tế tăng cao do trong năm có điều chỉnh trung tâm y tế huyện Ninh Phước về Huyện quản lý;

+ Ngoài ra, trong năm ngân sách tỉnh bổ sung để chi thực hiện chính sách, chế độ, chi bổ sung các nhiệm vụ cấp bách, cần thiết của địa phương

## **B. Dự toán thu, chi ngân sách năm 2024:**

### **I. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024:**

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 92.600 triệu đồng.

Trong đó:

+ Thu tiền sử dụng đất: 32.000 triệu đồng

+ Thu thuế, phí, lệ phí và thu khác ngân sách: 60.600 triệu đồng.

### **II. Dự toán thu, chi ngân sách Huyện:**

#### **1. Tổng thu ngân sách huyện: 576.368 triệu đồng.**

- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 87.400 triệu đồng.

Trong đó:

+ Thu tiền sử dụng đất: 32.000 triệu đồng

+ Thu thuế, phí, lệ phí và thu khác ngân sách: 55.400 triệu đồng.

- Thu ngân sách tỉnh bổ sung: 488.968 triệu đồng.

+ Thu bổ sung cân đối: 422.387 triệu đồng.

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 66.581 triệu đồng.

## **2. Tổng số chi ngân sách huyện: 576.368 triệu đồng.**

Trong đó:

- Chi cân đối ngân sách: 508.802 triệu đồng; Bao gồm:
  - + Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 47.227 triệu đồng.
  - + Chi thường xuyên: 451.379 triệu đồng.
  - + Dự phòng chi ngân sách: 10.196 triệu đồng.
- Chi bổ sung có mục tiêu: 67.566 triệu đồng

### **III. Cơ sở xây dựng dự toán:**

#### **I. Dự toán thu:**

Xây dựng dự toán thu trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu NSNN năm 2023, tốc độ tăng trưởng dự kiến trên địa bàn huyện. Xây dựng dựa trên tốc độ tăng trưởng dự kiến trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, năm 2024 thực hiện các chính sách của Quốc hội, Chính phủ hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, như Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 30/01/2023 và Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện là 92.600 triệu đồng, bằng 99,6% so với ước thực hiện năm 2023 và bằng 102% dự toán thu tình hình năm 2023.

#### **II. Dự toán chi:**

Việc bố trí, phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2024 đảm bảo thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Huyện năm 2024;

- Phân bổ sự toán chi ngân sách năm 2024 thực hiện theo định mức phân bổ, định mức các khoản chi thường xuyên thuộc ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã, thị trấn theo quy định tại Quyết định số 88/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021, Về ban hành Quy định định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

- Bố trí đủ kinh phí bảo đảm các chế độ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng, hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo phân loại tự chủ tài chính và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được nhà nước ban hành;

- Dành tối thiểu 10% tổng số thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08/02/2018.

#### **Cụ thể như sau:**

##### **1. Chi đầu tư phát triển: 47.227 triệu đồng**

Trong đó:

- Chi đầu tư từ tiền đất: 32.000 triệu đồng (Dành tối thiểu 10% tổng số thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 3.200 triệu đồng)
- Chi đầu tư theo phân cấp: 15.227 triệu đồng

## **2. Chi thường xuyên: 451.379 triệu đồng.**

Trong đó:

### **2.1 Chi an ninh, quốc phòng: 6.447 triệu đồng,**

#### **a) Chi an ninh: 2.401 triệu đồng.**

- Xây dựng theo định mức là 1 tỷ 615 triệu đồng. ( Cấp huyện: 942 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 673 triệu đồng.)

- Bổ sung chi các nhiệm vụ:

+ Kinh phí hỗ trợ thường xuyên các chức danh đội trưởng, đội phó dân phòng theo Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận: 786 triệu đồng. ( Cấp huyện: 344 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 442 triệu đồng.)

#### **b) Chi quốc phòng: 2.913 triệu đồng**

- Xây dựng theo định mức là 2 tỷ 607 triệu đồng. ( Cấp huyện: 1.598 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 1.009 triệu đồng.)

- Bổ sung chi các nhiệm vụ: 306 triệu đồng.

+ Kinh phí phụ cấp thâm niên quân sự: 129 triệu đồng

+ Chi khám tuyển quân sự năm 2025: 127 triệu đồng

+ Hỗ trợ đồng biên phòng Phước Vinh: 50 triệu đồng

#### **c) Chi sinh hoạt bảo vệ khu phố thị trấn Phước Dân: 823 triệu đồng**

#### **d) Chi hỗ trợ an ninh – quốc phòng các xã, thị trấn: 310 triệu đồng**

### **2.2 Chi sự nghiệp kinh tế: 13.523 triệu đồng**

- Thực hiện các nhiệm vụ địa phương như Duy tu, chăm sóc cây xanh; Duy tu sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn; Vận hành hệ thống chiếu sáng; Duy tu, bảo dưỡng hệ thống cấp thoát nước; Công tác bảo vệ rừng, phòng chống lụt bão,...: 3.364 triệu đồng. (Cấp huyện: 4.845 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 1519 triệu đồng.)

- Kinh phí hỗ trợ địa phương đất trồng lúa theo Nghị định số 35/NĐ-CP của Chính phủ: 6.025 triệu đồng. ( Nguồn bổ sung có mục tiêu ngay từ dự toán đầu năm)

- Sự nghiệp kinh tế khác: 1.134 triệu đồng. ( Thực hiện điều hành phân bổ trong năm)

### **2.3 Sự nghiệp môi trường: 5.000 triệu đồng.**

Nguồn trong cân đối theo định mức phân bổ Huyện có thị trấn tại Quyết định số 88/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021, Về ban hành Quy định định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

### **2.4 Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 285.382 triệu đồng,**

#### **a) Chi sự nghiệp giáo dục: 283.687 triệu đồng.**

- Sự nghiệp giáo dục trực thuộc phòng Giáo dục – Đào tạo: 272.294 triệu đồng

- Trung tâm GDNN-GDTX: 3.183 triệu đồng

- Bổ sung thực hiện các chế độ, chính sách: 3.402 triệu đồng

( Bao gồm: Chi hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3,5 tuổi là 498 triệu đồng, Kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của CP là 2.866 triệu đồng, Kinh phí thực

hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC là 38 triệu đồng.)

- Chi sửa chữa sự nghiệp giáo dục ( 2% chi con người sự nghiệp giáo dục): là 4.808 triệu đồng. ( Phân bổ chi tiết trong năm)

b) Chi sự nghiệp đào tạo: 1.695 triệu đồng

- Chi hoạt động trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện: 792 triệu đồng

- Chi đào tạo lại: 903 triệu đồng ( Phân bổ trong năm theo nhu cầu đào tạo)

### **2.5 Chi sự nghiệp VH TT, TDTT, TT: 4.503 triệu đồng**

Phân bổ trên cơ sở dân số theo định mức quy định Quyết định số 88/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021, Về ban hành Quy định định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

Cấp huyện: 2.747 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 1.756 triệu đồng

### **2.6 Chi sự nghiệp xã hội: 46.033 triệu đồng**

- Phân bổ trên cơ sở dân số theo định mức quy định Quyết định số 88/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021, Về ban hành Quy định định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022: 1.143 triệu đồng ( Cấp huyện: 795 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 348 triệu đồng.)

- Nguồn phân bổ có mục tiêu: 44.890 triệu đồng.

+ Kinh phí thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP của CP: 43.856 triệu đồng;

+ Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo: 967 triệu đồng;

+ Kinh phí cán bộ xã nghi việc: 67 triệu đồng.

### **2.7 Chi quản lý hành chính: 68.493 triệu đồng**

- Xây dựng Chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản phụ cấp khác tính theo hệ số và mức lương cơ sở 1.800.000 đồng.

- Các khoản đóng góp theo lương: 22,5%, trong đó BHXH 17,5, BHYT 3%, Công đoàn 2%.

- Chế độ hợp đồng theo Nghị định 68: 54 triệu đồng/người/năm, trong đó: UBND: 4 định biên 216 triệu đồng, Huyện ủy: 04 định biên 216 triệu đồng. Ngoài ra hỗ trợ bổ sung trong năm 2024 là 6 triệu đồng/năm/định biên thực tế.

- Chi hoạt động thường xuyên: cấp huyện 13 triệu đồng/người/năm, cấp xã, tt: 12 triệu đồng/người/năm.

- Chế độ tiền lương, phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và Chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ,

- Chi quản lý điều hành (Đối với cấp xã, tt: đã bao gồm kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã, tt: 5 triệu đồng/ban/năm; Kinh phí hoạt động đối với các tổ chức CT-XH cấp xã, tt): 50 triệu đồng/xã, tt/năm

- Phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thị trấn 20 triệu đồng/xã, tt/năm.

- Bổ sung một số nhiệm vụ khác trong quản lý hành chính các xã, thị trấn: 310 triệu đồng, 30 triệu đồng/xã/năm, riêng thị trấn Phước Dân 50 triệu đồng, xã Phước Thuận 40 triệu đồng, xã Phước Hữu 40 triệu đồng.

- Ngoài ra chi bổ sung các nhiệm vụ đặc thù: Kinh phí thực hiện chế độ HDND các cấp theo QĐ số 70/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh đối với các xã, thị trấn (Phụ cấp đại biểu, phụ cấp kiêm nhiệm); Kinh phí hoạt động công tác đảng theo QĐ 99-QĐ/TW; Hỗ trợ chi hoạt động cho các chi hội thuộc xã khó khăn, bãi ngang; Kinh phí hòa giải cơ sở; Kinh phí cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, ĐTVM; BHYT các Hội đặc thù,....

### **2.8 Chi sự nghiệp y tế: 20.582 triệu đồng**

- Chi hoạt động trung tâm y tế: 19.672 triệu đồng.
- Chi BHYT đối tượng kháng chiến ( Nguồn phân bổ có mục tiêu): 515 triệu đồng.
- Nguồn sự nghiệp y tế chưa phân bổ: 395 triệu đồng. ( Nguồn 3% nâng lương sự nghiệp y tế giữ lại cấp huyện, phân bổ khi có nhu cầu)

### **2.9 Chi khác ( 0,5% tổng chi thường xuyên): 1.416 triệu đồng.**

Cấp huyện: 1.126 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 290 triệu đồng.

### **3. Dự phòng NS (2% tổng chi thường xuyên): 10.196 triệu đồng.**

Cấp huyện: 9.049 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 1.147 triệu đồng.

### **4. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 67.566 triệu đồng**

#### **4.1 Vốn thực hiện 3 Chương trình MTQG: 30.443 triệu đồng ( Nguồn TW và Nguồn NS tỉnh)**

Trong đó:

- Vốn đầu tư: 8.065 triệu đồng
- Vốn sự nghiệp: 22.378 triệu đồng

Cụ thể như sau::

- Chương trình MTQG phát triển KTXH ĐBDTTS và miền núi: 6.531 triệu đồng.  
+ Vốn đầu tư: 1.495 triệu đồng(Cấp huyện: 169 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 1.326 triệu đồng.)
- + Vốn sự nghiệp: 5.036 triệu đồng (Cấp huyện: 2.722 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 2.314 triệu đồng.)
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 12.316 triệu đồng  
+ Vốn đầu tư: 0 đồng  
+ Vốn sự nghiệp: 12.316 triệu đồng (Cấp huyện: 1.364 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 10.952 triệu đồng.)
- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 11.596 triệu đồng.  
+ Vốn đầu tư: 6.570 triệu đồng(Cấp huyện: 0 đồng, cấp xã, thị trấn: 6.570 triệu đồng.)
- + Vốn sự nghiệp: 5.026 triệu đồng (Cấp huyện: 1.911 triệu đồng, cấp xã, thị trấn: 3.115 triệu đồng.)

## 4.2 Nguồn phân bổ thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ: 37.123 triệu đồng

Trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế tại địa phương trong năm 2024 về chi thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo quy định, Bao gồm:

- Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ: 24.450 triệu đồng;
- Kinh phí đảm bảo an toàn giao thông: 374 triệu đồng;
- Quà tết cho đối tượng BTXH và hộ nghèo: 1.318 triệu đồng;
- Kinh phí hỗ trợ chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các Hội có tính chất đặc thù các xã năm 2024 theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận ( Hội CTĐ, TNXP, NTYN, KH, NCT, ĐY): 1.015 triệu đồng
- Hỗ trợ kinh phí các đại hội đối với cấp xã, thị trấn: 480 triệu đồng ( 50 triệu đồng/xã,tt, riêng An Hải 2 Đại hội điểm 80 triệu đồng.)
- Kinh phí hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn: 540 triệu đồng;
- Kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã (400.000đ/tháng x 5 tổ chức CTXH/xã,tt ): 216 triệu đồng;
- Kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin theo Quyết định số 87/2022/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận: 41 triệu đồng;
- Chính sách hỗ trợ di dời theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận: 1.034 triệu đồng;
- Kinh phí mua sắm trang thiết bị các đơn vị cơ quan hành chính (lồng ghép thực hiện đề án 06): 1.000 triệu đồng;
- Kinh phí sự nghiệp kinh tế ( Duy tu, sửa chữa các tuyến đường Mông Đức - Hữu Đức, Phước Hậu - Phước Sơn ): 1.000 triệu đồng;
- Kinh phí quy hoạch: 1.000 triệu đồng;
- Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc UBND huyện: 500 triệu đồng;
- Kinh phí bổ sung thực hiện công tác thu gom vận chuyển rác thải: 700 triệu đồng;
- Kinh phí mừng thọ Người cao tuổi: 902 triệu đồng;
- Kinh phí bổ sung một số nhiệm vụ: 2.553 triệu đồng.

( Bổ sung nhiệm vụ đặc thù Huyện ủy, UBND huyện; Khen thưởng; Hoạt động BCD9; Báo cáo viên cấp huyện; Xây dựng văn bản ; Chi phòng họp trực tuyến và mạng chuyên dùng, Chi cán bộ công chức làm đầu mối thủ tục hành chính theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 27/02/2014 của tỉnh Ninh Thuận; Hỗ trợ kinh phí thực hiện chế độ HEND các cấp theo QĐ số 70/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh đối với các xã, thị trấn.)

Nơi nhận.

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lưu: VT.



KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Khánh